

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BIÊN MỤC VÀ GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT THƯ MỤC

ThS Phạm Kim Thanh
Đại học Nội vụ Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến sự cần thiết của việc kiểm soát thư mục trong công tác biên mục tại các cơ quan thông tin-thư viện (TT-TV) ở Việt Nam nhằm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan TT-TV và tạo thuận lợi trong việc truy cập thông tin đối với người dùng tin. Trình bày thực trạng việc áp dụng các tiêu chuẩn thư mục khác nhau trong công tác biên mục tại các thư viện ở Việt Nam, cụ thể như: các bộ quy tắc mô tả thư mục, các bảng phân loại, khổ mẫu dữ liệu, định chỉ mục theo chủ đề hoặc từ khóa. Để thực hiện kiểm soát tính nhất quán dữ liệu, bài viết đề xuất việc áp dụng chung các bộ công cụ chuẩn về biên mục và các khổ mẫu dữ liệu theo nguyên tắc biên mục hiện đại tại các cơ quan TT-TV, đó là: Nguyên tắc biên mục IFLA về “Yêu cầu chức năng về biểu ghi thư mục” (FRBR); “Yêu cầu chức năng về dữ liệu kiểm soát tính nhất quán” (FRAD); Yêu cầu chức năng về dữ liệu nhất quán theo chủ đề (FRSAD).

Từ khóa: Biên mục; thực trạng biên mục; kiểm soát thư mục; khổ mẫu dữ liệu.

Current cataloging issues in Vietnam and bibliographic control solution

Summary: Analyzing the important role of bibliographic control step in the cataloging procedure in supporting Information - Library agencies in Vietnam to share data and create favourable conditions for users. Analyzing the problem of applying different bibliographic standards in the cataloguing procedure at libraries in Vietnam, in particular: bibliographic description rule sets, classification charts, formats, subject or keyword indexes. In order to implement the data authority control, the article recommends applying the cataloging standard toolkit and format of the modern cataloguing rules at information - library agencies, including: IFLA cataloguing regulations on “Functional Requirements for Bibliographic Records - FRBR”; Functional Requirements for Authority Data - FRAD; Functional Requirements for Subject Authority Data - FRSAD.

Keywords: Cataloguing; cataloguing current status; bibliographic control; format.

Đặt vấn đề

Đứng trước tình trạng bùng nổ thông tin như hiện nay, lượng tài liệu tại các cơ quan TT-TV tăng lên đáng kể, công tác biên mục cũng vì thế trở thành gánh nặng và khó kiểm soát. Nhận thức được vấn đề này, từ năm 1970, IFLA đã thành lập văn phòng *Kiểm soát thư mục toàn cầu* sau nhiều năm thảo luận về tầm quan trọng của việc chia sẻ dữ liệu thư mục quốc tế để giúp giảm chi phí và mở rộng hợp tác trên toàn thế giới. Văn phòng này được biết đến như là Chương trình Kiểm soát thư mục toàn cầu và MARC cốt lõi quốc tế của IFLA (Universal Bibliographic Control and International MARC Core Programme- UBCIM). Tại thời điểm đó, trên lý thuyết là mỗi cơ quan biên mục quốc gia sẽ tạo danh mục cho các tác phẩm

xuất bản ở đất nước của mình và thiết lập tên của tác giả, và dữ liệu sẽ được chia sẻ và tái sử dụng trên khắp thế giới.

Năm 2009, IFLA đưa ra các Tuyên bố Nguyên tắc Biên mục Quốc tế (ICP), là nền tảng cho việc chia sẻ dữ liệu thư mục. IFLA thông qua công việc của các đơn vị chuyên môn có liên quan và Ủy ban cố vấn nhằm tạo ra, duy trì và thúc đẩy các tiêu chuẩn và hướng dẫn tạo điều kiện chia sẻ dữ liệu thư mục và quyền truy cập dữ liệu [2].

Xu thế hội nhập hiện nay đòi hỏi các cơ quan TT-TV ở Việt Nam cũng cần phải có những chuẩn nghiệp vụ quốc gia và theo kịp với chuẩn quốc tế trong việc kiểm soát thông tin thư mục.

Nghiên cứu - Trao đổi

1. Thực trạng công tác biên mục trong các cơ quan thông tin-thư viện ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, vấn đề chuẩn hóa trong công tác biên mục ở Việt Nam bắt đầu được quan tâm. Việc xây dựng chuẩn nghiệp vụ là một yêu cầu bức thiết trong công tác biên mục tại các cơ quan TT-TV ở Việt Nam.

Thực tế việc mô tả tài nguyên thông tin tại Việt Nam dựa trên những quy tắc mô tả tài liệu sau:

- Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm: dùng cho mục lục thư viện (do Thư viện Quốc gia biên soạn năm 1994). Quy tắc này được biên soạn dựa trên Mô tả thư mục tiêu chuẩn quốc tế (ISBD), và quy tắc mô tả thư mục của Liên Xô.

- Quy tắc mô tả thư mục do Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương Biên soạn năm 1980 dựa trên ISBD.

- Quy tắc Biên mục Anh - Mỹ, xuất bản lần thứ 2 (AACR2) do Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (nay là Cục Thông tin KH&CN quốc gia) dịch, xuất bản năm 2009.

- Bộ quy tắc biên mục Anh - Mỹ rút gọn, 1988. dịch giả Lâm Vĩnh Thế, Phạm Lệ Hương, xuất bản năm 2002.

- TCVN 4743:1989 - Xử lý thông tin, mô tả thư mục tài liệu, ban hành năm 1989: Quy định về công tác mô tả thư mục tài liệu.

Hiện nay, nhiều thư viện đã sử dụng Quy tắc Biên mục Anh - Mỹ (AACR2) do Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch khuyến cáo áp dụng năm 2007, nhưng cũng còn nhiều thư viện vẫn sử dụng “Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm” do Thư viện Quốc gia, hoặc Quy tắc mô tả thư mục do Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương (nay là Thư viện KH&CN quốc gia thuộc Cục Thông tin KH&CN quốc gia) biên soạn. Một số cơ quan TT-TV vẫn sử dụng TCVN4743-89, hoặc quy tắc do tự cơ quan biên soạn ra, thậm chí vẫn tồn tại thư viện chưa sử dụng bộ quy tắc đã ban hành mà hướng dẫn mô

tả theo nguyên tắc “truyền khẩu”, tức là người đi trước hướng dẫn người đến sau.

Trong công tác phân loại, hiện các thư viện đang sử dụng nhiều bộ công cụ phân loại như: bảng phân loại BBK của Liên Xô, Bảng phân loại dùng cho các thư viện tổng hợp (bảng 19 lớp) do Thư viện Quốc gia biên soạn, Bảng UDC của Mỹ, Bảng phân loại dùng cho các trường phổ thông, Bảng phân loại DDC14 (DDC rút gọn) và bảng DDC23 (bảng đầy đủ) đã dịch sang tiếng Việt.

Việc nghiên cứu, khảo sát thực trạng biên mục tại một số cơ quan TT-TV lớn ở Việt Nam, trong đó có các cơ quan TT-TV lớn trong hệ thống thư viện công cộng, trung tâm TT-TV trường đại học, thư viện quân đội, trung tâm TT-TV thuộc các cơ quan chuyên ngành như: Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thư viện Quốc hội Việt Nam ... đã cho kết quả như sau:

1.1. Áp dụng quy tắc mô tả

Theo một khảo sát đối với 31 thư viện tại Việt Nam cho thấy, hiện nay các thư viện Việt Nam đang sử dụng nhiều quy tắc mô tả. Có 15/31 (46,5%) thư viện sử dụng Quy tắc biên mục Anh-Mỹ (AACR2), 13/31 (40,3%) thư viện sử dụng Quy tắc Mô tả thư mục dựa trên (ISBD), 3/31 (9,3%) thư viện sử dụng “Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm” (1994) do Thư viện Quốc gia biên soạn, 1/31 (3,1%) thư viện mô tả theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và 2/31 (6,2%) thư viện vẫn sử dụng quy tắc do cơ quan tự biên soạn. Trong đó, có thư viện áp dụng một lúc đồng thời 3 quy tắc: AACR2 (cả bản đầy đủ và rút gọn), Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm của Thư viện Quốc gia và quy tắc do cơ quan tự biên soạn.

Trong 15 thư viện lớn sử dụng Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2 có 12 thư viện sử dụng hoặc bản dịch tiếng Việt năm 2009 của Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia, hoặc sử dụng

Nghiên cứu - Trao đổi

song song cả Bản dịch đầy đủ 2009 và Bản rút gọn 2002 và/hoặc sử dụng đồng thời cả bản dịch đầy đủ và rút gọn tiếng Việt và bản gốc tiếng Anh (Anglo-American cataloguing rules, 2nd ed.), có 3 thư viện chỉ sử dụng Quy tắc biên mục Anh-Mỹ rút gọn 2002 (Ấn bản Việt-Ngữ).

1.2. Sử dụng bảng phân loại

Theo số liệu khảo sát thì có 22/31 thư viện sử dụng DDC (chiếm 71%), trong đó chủ yếu là các thư viện trong hệ thống công cộng, thư viện các trường đại học, thư viện chuyên ngành. Có 3/31 thư viện chuyên ngành sử dụng BBK (chiếm 9,6%), 1/31 thư viện sử dụng LCC (Thư viện Tạ Quang Bửu), 5/31 thư viện công cộng sử dụng Khung phân loại 19 lớp và vẫn có 1/31 thư viện sử dụng UDC. Đặc biệt, có thư viện Trường Đại học Luật sử dụng đồng thời 3 khung phân loại: DDC, bảng 19 lớp và bảng phân loại do Thư viện Trường tự biên soạn. Có 1 thư viện (Viện Dân tộc học) không phân loại tài nguyên vì họ cho rằng ký hiệu phân loại không có hiệu quả sử dụng, thư viện áp dụng việc tìm kiếm theo chủ đề và tổ chức kho mở theo các chủ đề chuyên ngành.

Nhìn chung, tỷ lệ các thư viện sử dụng DDC là khá cao. Khi bản dịch DDC23 hoàn thành, rất nhiều cơ quan TT-TV của các trường đại học, các thư viện chuyên ngành đã tiến hành áp dụng. Bản DDC23 đã giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong việc chi tiết những chỉ số phân loại chuyên ngành, đây là bộ phân loại đồ sộ, phù hợp với các thư viện tổng hợp cỡ lớn và các thư viện chuyên ngành. Bước đầu, hệ thống cơ quan TT-TV Việt Nam đã sử dụng bộ phân loại chung và từng bước hội nhập với thế giới.

1.3. Sử dụng khổ mẫu dữ liệu

Từ năm 2004, Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (Nay là Cục Thông tin KH&CN quốc gia) dịch và phổ biến *Khổ mẫu biên mục đọc máy MARC21 dành cho biểu ghi thư mục*. Đối

với khổ mẫu MARC21 này thì hầu hết các thư viện trong hệ thống công cộng, trong các trường đại học, cao đẳng, trong hệ thống thư viện quân đội đều đã áp dụng.

Theo số liệu khảo sát thì 30/31 thư viện đã sử dụng khổ mẫu MARC21 (chiếm 96%), chỉ có Thư viện Đài Truyền hình Việt Nam là đang sử dụng phần mềm tự xây dựng, do vậy không áp dụng được MARC21.

Song song với MARC21, có 8/31 thư viện sử dụng thêm khổ mẫu Dublin Core trong các cơ sở dữ liệu toàn văn.

Như vậy, có thể thấy các thư viện Việt Nam đã chọn khổ mẫu *MARC21 dành cho dữ liệu thư mục* làm khổ mẫu thư mục và các phần mềm thương mại phổ biến hiện nay đều áp dụng được khổ mẫu *MARC21 dành cho dữ liệu thư mục*, điều này rất thuận tiện cho việc xây dựng, lưu trữ cơ sở dữ liệu trong các thư viện, cơ quan thông tin trong nước. Tuy nhiên, khổ mẫu MARC21 áp dụng cho tài liệu ấn phẩm định kỳ vẫn chưa có sự thống nhất trong các biểu ghi, chủ yếu mới áp dụng cho một số tài liệu dạng sách, bản đồ, tranh ảnh phổ biến, còn rất nhiều dạng tài liệu đặc thù khác chưa được áp dụng.

Qua khảo sát trên có thể thấy, so với phân loại tài nguyên và khổ mẫu thư mục thì quy tắc mô tả tài nguyên thông tin hiện nay chưa có sự thống nhất. Theo số liệu khảo sát, có 23/31 cán bộ được hỏi đều mong muốn có bộ quy tắc thống nhất để sử dụng chung cho việc biên mục mô tả trong các thư viện ở Việt Nam hiện nay [1].

Có ba phương pháp biên mục đang tồn tại ở Việt Nam hiện nay, đó là:

+ *Biên mục gốc*: tức là biên mục trên xuất bản phẩm hiện có trong tay. Đây là hình thức biên mục phổ biến nhất trong các cơ quan TT-TV ở Việt Nam. Tính tích cực của phương pháp biên mục này là dễ làm, tăng tính chủ động của các cán bộ biên mục. Hạn chế của phương

Nghiên cứu - Trao đổi

pháp này là làm tốn nhiều thời gian, công sức, tiền của cho công tác biên mục, thiếu sự thống nhất trong các biểu ghi biên mục, gây khó khăn cho người dùng tin.

+ *Biên mục tại nguồn*: là phương pháp biên mục ngay trước khi xuất bản phẩm ra đời. Phương pháp này thực hiện được với sự liên kết giữa cán bộ thư viện và các nhà xuất bản, nhà sách. Mục đích của cách biên mục này là tạo ra sự nhất quán về biên mục giữa các cơ quan TT-TV với các xuất bản phẩm, tạo thuận lợi cho người dùng tin. Đối với nhà xuất bản, công việc này có ý nghĩa trong việc quảng bá sản phẩm trước khi đến được với công chúng.

+ *Biên mục sao chép*: là cách thức sao chép lại các biểu ghi từ biểu ghi biên mục nguồn, hoặc biểu ghi biên mục của cơ quan khác. Thực tế biên mục sao chép đang là xu hướng phổ biến ở các nước trên thế giới. Việc xây dựng biểu ghi CIP nhằm tạo thuận lợi cho biên mục sao chép dữ liệu trong các cơ quan TT-TV.

1.4. Sử dụng biểu ghi biên mục tại nguồn (CIP)

Mục đích của việc tạo biểu ghi biên mục tại nguồn (CIP) là hỗ trợ các cán bộ thư viện trong hệ thống, giảm bớt thời gian, công sức, chi phí cho công tác biên mục tài nguyên thông tin của mình, thay vào đó chỉ cần sao chép biểu ghi và điền thêm các dữ liệu đặc trưng riêng biệt của mỗi cơ quan TT-TV, hiệu chỉnh thông tin dữ liệu phù hợp với thư viện mình. Biểu ghi biên mục CIP nhằm đảm bảo tính chính xác và tính nhất quán trong CSDL của các cơ quan TT-TV.

Ở Việt Nam, hiện nay có Thư viện KHTH Tp. Hồ Chí Minh và Thư viện Quốc gia Việt Nam thực hiện biên mục tại nguồn (CIP). Tuy nhiên, cả hai cơ quan thư viện này sử dụng hai quy tắc biên mục mô tả khác nhau, tại Thư viện Quốc gia Việt Nam vẫn sử dụng “Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm” (1994) với nhiều quy định riêng do Thư viện Quốc gia Việt Nam quy định;

Còn Thư viện KHTH Tp. Hồ Chí Minh sử dụng Quy tắc biên mục Anh - Mỹ (AACR2).

Về phân loại, biểu ghi CIP của Thư viện Quốc gia Việt Nam sử dụng phân loại DDC nhưng trong thực tế nhiều thư viện vừa và nhỏ vẫn đang sử dụng nhiều bảng phân loại BBK, phân loại 19 lớp... Biểu ghi CIP của Thư viện Quốc gia xây dựng điểm truy cập đơn giản bằng các từ khóa, trong khi đó nhiều thư viện lớn đã chuyển sang xây dựng điểm truy cập bằng các thuật ngữ chủ đề và tên các tác giả tham gia xây dựng nên tác phẩm. Điều này dẫn đến sự không thống nhất trong sử dụng bảng phân loại dữ liệu biên mục tài nguyên, gây khó khăn trong việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan TT-TV, và khó khăn trong việc tìm tin của độc giả.

Qua kết quả khảo sát, chỉ có 7/31 (22,6%) thư viện sử dụng biểu ghi CIP trong đó kể cả sử dụng CIP của Thư viện Quốc hội Mỹ đối với sách ngoại văn. Điều đó cho thấy vẫn còn rất ít thư viện sử dụng biểu ghi CIP.

Qua nghiên cứu khảo sát thực trạng trên, có thể thấy chưa có khả năng chia sẻ dữ liệu thư mục giữa các cơ quan TT-TV và khó khăn trong việc tham khảo dữ liệu CIP từ các cơ quan biên mục nguồn. Công tác biên mục này đã gây ra lãng phí đáng kể về nhân lực cũng như về tài chính trong công tác biên mục [1].

2. Giải pháp kiểm soát thư mục

Sự không đồng bộ trong việc áp dụng các chuẩn biên mục đã gây nhiều khó khăn cho các cơ quan TT-TV trong công tác xử lý tài nguyên, làm lãng phí rất lớn về tài chính cũng như về nhân lực để thực hiện công việc này. Đối với bạn đọc, đây là một trở ngại, khó khăn trong việc tra cứu tìm tin. Ngày nay, bạn đọc tra cứu cơ sở dữ liệu trực tuyến tại các cơ quan TT-TV, việc áp dụng quy tắc biên mục thống nhất nhằm tạo thuận lợi, tăng hiệu quả tra cứu tìm tin.

Để giải quyết được bài toán thống nhất và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan TT-TV trong

Nghiên cứu - Trao đổi

và ngoài nước, các cơ quan cần tăng cường kiểm soát thư mục theo chuẩn quốc gia và tiến tới chuẩn quốc tế, đó là: Chuẩn về mô tả hình thức tài nguyên, chuẩn về nội dung của tài nguyên thông tin (phân loại, định chủ đề), chuẩn về kỹ thuật lưu trữ và tra cứu, trao đổi tài nguyên thông tin (khổ mẫu MARC21). Để đạt được điều này các cơ quan TT-TV cần có những giải pháp tích cực để nhanh chóng đưa thư viện đến gần nhau hơn và gần với người dùng tin hơn, đó là:

- Các cơ quan TT-TV hiện nay, cần nhanh chóng có bộ quy tắc mô tả tiêu chuẩn để thống nhất trong công tác biên mục, phù hợp với tình hình thực tiễn xuất bản của Việt Nam và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Bản quy tắc biên mục Anh - Mỹ ra đời đã góp phần tích cực làm chuyển biến công tác mô tả tài liệu, giải quyết được bất cập đối với các bản quy tắc hiện có ở trong nước, dần theo quy tắc biên mục của các nước tiên tiến, bước đầu chia sẻ được dữ liệu qua cổng Z39.50 đối với sách tiếng Anh xuất bản ở Mỹ. Tuy nhiên, các nhà thư viện học ở Mỹ, Ôxtrâyliya, Canada... đã sớm nhận thấy những hạn chế của AACR2 và đến nay bản quy tắc “Mô tả và truy cập tài nguyên” (RDA) đã ra đời. Quy tắc RDA triệt để tuân theo nguyên tắc biên mục quốc tế mới do IFLA đưa ra, đó là: *Nguyên tắc biên mục IFLA về “Yêu cầu chức năng về biểu ghi thư mục” (FRBR)* và *“Yêu cầu chức năng về dữ liệu kiểm soát tính nhất quán” (FRAD)*; *Yêu cầu chức năng về dữ liệu nhất quán theo chủ đề (FRSAD)*. Bộ quy tắc RDA rất đồ sộ, phù hợp với những cơ quan TT-TV cỡ lớn của Mỹ và các nước phát triển với những bộ sưu tập khổng lồ và đa dạng về hình thức tài liệu [4]. Để áp dụng được bộ quy tắc này là điều khó khăn với các thư viện Việt Nam với quy mô nhỏ. Mặt khác, cũng như AACR2 và các công cụ biên mục được dịch từ tiếng Anh thì vấn đề bản quyền là yếu tố cản trở trong việc phổ biến rộng rãi các bộ công cụ biên mục với các cơ

quan TT-TV. Như vậy, để có bộ quy tắc mô tả phù hợp với tình hình thực tế biên mục của Việt Nam và đảm bảo quy tắc biên mục quốc tế thì các thư viện lớn nên dịch RDA sang tiếng Việt để thuận tiện cho việc nghiên cứu. Cần biên soạn lại bộ quy tắc theo hướng RDA nhưng phù hợp với tình hình xuất bản, thực tế tài liệu trong các cơ quan TT-TV tại Việt Nam.

- Các thư viện nên sử dụng chung các bảng phân loại để thuận tiện trong trao đổi dữ liệu. Kinh nghiệm của Thư viện Quốc hội Mỹ là hiện tại dùng song song hai bảng phân loại: Bảng phân loại do Thư viện Quốc hội Mỹ biên soạn (LCC) để dùng trong nội bộ thư viện, tránh xáo trộn khi sắp xếp tài nguyên thông tin, còn bảng phân loại DDC nhằm trao đổi dữ liệu giữa các thư viện.

- Các thư viện nên áp dụng bảng Tiêu đề chủ đề phù hợp với kho tài liệu của mình. Trên thực tế, với các cơ quan TT-TV lớn hiện nay, với vốn tài nguyên tới hàng triệu tên thì việc sử dụng bộ từ khóa sẽ không còn thích hợp bởi lẽ từ khóa gồm các thuật ngữ đơn lẻ, khi tìm tin theo tiêu chí kết hợp sẽ khó khăn với nhiều số lượng từ khóa được kết hợp, kết quả tìm tin là thiếu chính xác. Còn việc tìm tin theo tiêu đề chủ đề là tìm tin tiền kết hợp, điều này đã làm đa dạng cách tìm kiếm thông tin. Khảo sát thực tế việc tìm tin của người dùng, thì đa số người dùng tin sử dụng tiêu đề chủ đề để tìm kiếm thông tin. Việc xây dựng các bảng chủ đề cũng nên theo các khung chủ đề lớn: Tiêu đề chủ đề dành cho các thư viện tổng hợp; Tiêu đề chủ đề về Khoa học tự nhiên và Công nghệ; Tiêu đề chủ đề về Khoa học Xã hội-Nghệ thuật. Chia theo cách chia nhóm như vậy sẽ phù hợp với tình hình sử dụng và dễ dàng biên soạn. Việc xây dựng Tiêu đề chủ đề đồ sộ như Tiêu đề chủ đề của Quốc hội Mỹ là khó khăn, và không cần thiết với các cơ quan thông tin chuyên ngành. Còn nếu dịch bộ tiêu đề chủ đề này cho các thư viện Việt Nam sử dụng sẽ không thực tiễn vì

Nghiên cứu - Trao đổi

Mỹ là nước phát triển nhất thế giới, quan điểm về chính trị, phát triển về khoa học kỹ thuật khác nhiều so với Việt Nam.

- Đối với khổ mẫu MARC21 có năm định dạng sau: Khổ mẫu MARC21 cho dữ liệu thư mục (Bibliographic Data), MARC21 cho dữ liệu nhất quán (Authority Data), MARC21 cho dữ liệu nắm giữ (Holdings Data), MARC21 cho dữ liệu về phân loại (Classification Data), và MARC21 cho thông tin cộng đồng (Community Information). Trong đó, các cơ quan TT-TV ở Việt Nam hiện nay mới sử dụng khổ mẫu MARC21 cho dữ liệu thư mục. Việc áp dụng khổ mẫu MARC21 cho dữ liệu thư mục cũng nên được thống nhất trong các trường dữ liệu và áp dụng với tất cả các dạng tài nguyên thông tin hiện có trong thư viện [3].

Cần nhanh chóng áp dụng các *Khổ mẫu trao đổi MARC21, Khổ mẫu MARC21 cho dữ liệu nhất quán, khổ mẫu MARC21 cho thông tin nắm giữ, Khổ mẫu cho dữ liệu phân loại và Khổ mẫu MARC21 cho thông tin cộng đồng* cho dữ liệu biên mục nhằm chuẩn hóa, kiểm soát và thống nhất dữ liệu.

- Việc xây dựng các tiêu chuẩn biên mục đòi hỏi phải có tập hợp đội ngũ cán bộ từ nhiều cơ quan TT-TV lớn đại diện cho từng hệ thống thư

viện và các trường đại học được đào tạo về TT-TV. Để bộ công cụ đi vào thực tế cần phải có đội ngũ nhân lực trình độ cao của nhiều cơ quan tổ chức cùng tham gia soạn thảo mới đảm bảo tính khách quan, chất lượng và dễ dàng phổ biến rộng rãi ngay sau khi ra đời. Cán bộ tham gia trực tiếp soạn thảo phải bao gồm: đội ngũ các giảng viên trực tiếp dạy bộ môn, có đầy đủ kiến thức về lý luận và thực tiễn; các chuyên gia trong các cơ quan TT-TV, có kinh nghiệm nghề nghiệp đúng với lĩnh vực nghiên cứu. Tất cả các cán bộ này phải có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đảm bảo dịch thuật tốt đáp ứng việc tham khảo tài liệu từ nước ngoài.

Có được những bộ công cụ đạt tiêu chuẩn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan TT-TV của Việt Nam thực hiện tốt các nguyên tắc biên mục do IFLA đưa ra, đó là tuân thủ: Nguyên tắc biên mục IFLA về “Yêu cầu chức năng về biểu ghi thư mục” (FRBR) và “Yêu cầu chức năng về dữ liệu kiểm soát tính nhất quán” (FRAD); Yêu cầu chức năng về dữ liệu nhất quán theo chủ đề (FRSAD); Bộ công cụ chuẩn sẽ đạt được kết quả trong kiểm soát dữ liệu, đảm bảo được mục tiêu chia sẻ dữ liệu, liên kết cơ quan TT-TV, đạt hiệu quả cao trong việc biên mục tại nguồn [7].

Tài liệu tham khảo

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam. Thực trạng công tác biên mục: Báo cáo Nghiên cứu khoa học, 2013.
2. <http://www.ifla.org/publications>.
3. <http://www.loc.gov/marc>
4. Phạm Kim Thanh (2012). Nghiên cứu khác biệt giữa “Resource description and access” và quy tắc mô tả Anh - Mỹ (AACR2)- Định hướng áp dụng vào Thư viện Quốc gia Việt Nam: Luận văn thạc sỹ.

5. Vũ Dương Thuý Ngà. Quan niệm về chuẩn hóa trong xử lý tài liệu và những biện pháp đảm bảo chuẩn hóa trong xử lý tài liệu ở Việt Nam hiện nay. - Tạp chí Thư viện Việt Nam số, 2010, 4(24), tr.15-18.

6. Nguyễn Văn Hành. Về chuẩn hóa công tác thư viện đại học ở Việt Nam. - Tạp chí Thư viện Việt Nam, số 4(24), 2010, tr.10-14.

7. Cao Minh Kiểm. Giới thiệu nguyên tắc biên mục quốc tế mới. - Tạp chí Thư viện Việt Nam, số 3(23), 2010, tr.28-38.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 08-02-2015; Ngày phản biện đánh giá: 18-4-2015; Ngày chấp nhận đăng: 20-6-2015).